

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường: THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Võ Công Mỹ
Ngày soạn: 07/03/2026
Lớp dạy: 10/1, 10/5
Thời gian thực hiện: Tuần học 17, 18

TÊN CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC: ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ II

Môn học/ Hoạt động giáo dục: Toán – Lớp: 10.

Thời gian thực hiện: 2 tiết: 80, 81

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

+ Nắm được lý thuyết: Hàm số; Hàm số bậc hai; Dấu tam thức bậc hai; Bất phương trình bậc hai một ẩn; Phương trình quy về phương trình bậc hai;
+ Làm được các bài toán cụ thể từ lý thuyết đã được học.

2. Năng lực: Năng lực tư duy và lập luận Toán học; Năng lực giải quyết vấn đề Toán học; Năng lực giao tiếp Toán học; Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện để học Toán.

3. Phẩm chất:

+ Chăm chỉ xem bài trước ở nhà.
+ Trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và nêu các câu hỏi về vấn đề chưa hiểu.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- KHBD, SGK
- Tivi, máy tính, điện thoại; bảng phụ.
- Bài tập tương ứng với từng bài học trong chương.

2. Học sinh: SGK, vở ghi, dụng cụ học tập,.....

III. Tiến trình dạy học

TIẾT 80

HD 1: Hàm số (8 phút).

+ **Mục tiêu:** Nhớ kiến thức lý thuyết về khái niệm hàm số, tập xác định, tập giá trị, sự đồng biến, nghịch biến và đồ thị của hàm số.

+ **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập 1.

+ **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.

+ **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	Trắc nghiệm Câu 1: A Câu 2: B Câu 3: D Câu 4: C

PHIẾU HỌC TẬP 1.

Lý thuyết

Câu 1: Nêu khái niệm hàm số, tập xác định, tập giá trị của hàm số?

Câu 2: Nêu dạng đồ thị của hàm số.

Câu 3: Nêu sự đồng biến, nghịch biến của hàm số?

Trắc nghiệm

Câu 1: Theo thông báo của Ngân hàng A ta có bảng dưới đây về lãi suất tiền gửi tiết kiệm kiểu bậc thang với số tiền gửi từ 50 triệu VNĐ trở lên được áp dụng từ 20/1/2022

Kỳ hạn (số tháng)	3	6	12	18	24
Lãi suất (%/tháng)	0,715	0,745	0,785	0,815	0,825

Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A.** $f(3) = 0,715$. **B.** $f(0,715) = 3$. **C.** $f(0,815) = 12$. **D.** $f(0815) = 0,785$.

Câu 2: Điểm nào sau đây nằm trên đồ thị hàm số $y = -2x^2$?

- A.** $M(2; -4)$. **B.** $N(-1; -2)$. **C.** $P(1; 2)$. **D.** $Q(0; 2)$.

Câu 3: Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{x+3}{2x-5}$

- A.** $D = \frac{5}{2}$; **B.** $D =$ **C.** $x = \frac{2}{5}$. **D.** $D = \setminus \frac{5}{2}$.

Câu 4: Với những giá trị nào của m thì hàm số $f(x) = (m-2)x + 1$ nghịch biến trên ?

- A.** $m > 2$. **B.** $m = 2$. **C.** $m < 2$. **D.** $m < 0$.

HD 2: Hàm số bậc hai (15 phút).

+ **Mục tiêu:** Nhớ kiến thức lý thuyết về khái niệm hàm số bậc hai, nắm được công thức tọa độ đỉnh, trục đối xứng; sự đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc hai.

+ **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập 2.

+ **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.

+ **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	

PHIẾU HỌC TẬP 2.

Câu 1: Nêu dạng của hàm số bậc hai.

Câu 2: Nêu công thức tọa độ đỉnh, trục đối xứng của đồ thị hàm số bậc hai.

Câu 3: Nêu sự đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc hai.

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc hai?

- A.** $y = -2x + 3$. **B.** $y = 2x^2 - 4x$. **C.** $y = \frac{1}{x^2} + 2x - 3$. **D.** $y = -x^2 + 2 \cdot \frac{1}{x} + 2$.

Câu 2: Cho parabol (P) có phương trình $y = x^2 - 2x + 4$. Điểm nào sau đây thuộc parabol (P)?

- A.** $M(-3; 19)$ **B.** $N(-3; 1)$ **C.** $P(4; 0)$ **D.** $Q(4; 2)$

Câu 3: Cho parabol (P) có phương trình $y = 3x^2 - 2x + 4$. Trục đối xứng của parabol (P) là

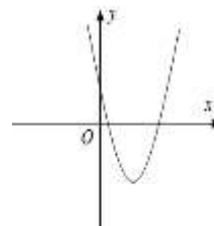
- A.** $x = \frac{1}{3}$. **B.** $x = -\frac{1}{3}$. **C.** $x = \frac{2}{3}$. **D.** $x = -\frac{2}{3}$.

Câu 4: Tọa độ đỉnh I của đồ thị hàm số $y = -x^2 + 4x$ là

- A.** $I(-4; -32)$. **B.** $I(4; 0)$. **C.** $I(2; 4)$. **D.** $I(-2; 4)$.

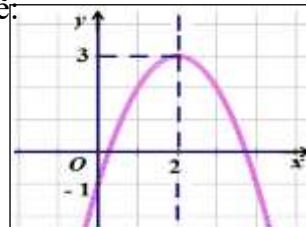
Câu 5: Cho đồ thị hàm số $y = ax^2 + bx + c$ có đồ thị như hình vẽ bên dưới. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $a > 0, b < 0, c > 0$. B. $a > 0, b > 0, c > 0$.
C. $a < 0, b < 0, c > 0$. D. $a < 0, b > 0, c > 0$.



Câu 6: Hàm số bậc hai nào dưới đây có đồ thị như hình vẽ:

- A. $y = -x^2 + 2x - 1$. B. $y = x^2 + 4x + 1$.
C. $y = x^2 - 4x - 1$. D. $y = -x^2 + 4x - 1$.



Câu 7: Đồ thị hàm số $y = x^2 + bx + c$ là một parabol (P) có đỉnh I nằm trên trục tung đồng thời cắt trục hoành tại hai điểm phân biệt A và B sao cho $\triangle IAB$ có diện tích là $2\sqrt{2}$. Tìm parabol (P).

- A. $y = x^2 - 2$. B. $y = x^2 + 2$ C. $y = x^2 - \sqrt{2}$. D. $y = x^2 - 4x + 1$.

II. TỰ LUẬN

Một doanh nghiệp tư nhân A chuyên kinh doanh xe gắn máy các loại. Hiện nay doanh nghiệp đang tập trung chiến lược vào kinh doanh xe Honda Vison với chi phí mua vào 1 chiếc là 27 triệu đồng và bán ra là 31 triệu đồng. Với giá này thì số lượng xe mà khách hàng sẽ mua trong 1 năm là 600 chiếc. Nhằm mục đích đẩy mạnh hơn nữa lượng tiêu thụ dòng xe đang ăn khách này, doanh nghiệp dự định giảm giá bán và ước tính rằng nếu giảm 1 triệu đồng mỗi chiếc thì số lượng xe bán ra trong 1 năm sẽ tăng thêm 200 chiếc. Vậy doanh nghiệp phải định giá mới là bao nhiêu để sau khi đã thực hiện giảm giá, lợi nhuận thu được sẽ là cao nhất?

Lời giải

Gọi x đồng là số tiền mà doanh nghiệp A dự định giảm giá ($0 \leq x \leq 4$)

Khi đó: Lợi nhuận thu được khi bán 1 chiếc xe là: $31 - x - 27 = 4 - x$

Số xe mà doanh nghiệp sẽ bán được trong 1 năm là : $600 + 200x$

Lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được trong 1 năm:

$$f(x) = (4 - x) \cdot (600 + 200x) = -200x^2 + 200x + 2400$$

Xét hàm số $f(x) = -200x^2 + 200x + 2400$ trên đoạn $[0; 4]$

Ta có bảng biến thiên:

x	0	$\frac{1}{2}$	4
y	2400	2450	0

$$\max f(x) = 2450 \text{ khi } x = \frac{1}{2}$$

Vậy giá mới của chiếc xe là 30,5 triệu đồng thì lợi nhuận thu được là cao nhất.

HD 3: Dấu của tam thức bậc hai (10 phút).

- + **Mục tiêu:** Nhớ kiến thức lý thuyết về dấu của tam thức bậc hai và áp dụng vào bài tập.
- + **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập 3.
- + **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.
- + **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu	

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

B4: Kết luận, nhận định, đánh giá:

GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP 3

Câu hỏi: Nhắc lại định lý về dấu của tam thức bậc hai.

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cho tam thức bậc hai $f(x) = ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$). Điều kiện để $f(x) \leq 0, \forall x \in \mathbb{R}$ là

- A. $\begin{cases} a < 0 \\ \Delta \leq 0 \end{cases}$. B. $\begin{cases} a < 0 \\ \Delta \geq 0 \end{cases}$ C. $\begin{cases} a > 0 \\ \Delta < 0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} a < 0 \\ \Delta > 0 \end{cases}$.

Câu 2. Cho tam thức bậc hai $f(x) = ax^2 + bx + c$ ($a > 0$). Điều kiện để $f(x) > 0, \forall x \in \mathbb{R}$ là

- A. $\Delta \leq 0$. B. $\Delta < 0$. C. $\Delta \geq 0$. D. $\Delta > 0$.

Câu 3. Cho tam thức bậc hai $f(x) = ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$) có $\Delta = b^2 - 4ac < 0$. Khi đó mệnh đề nào sau đây là đúng?

- A. $f(x) > 0, \forall x \in \mathbb{R}$. B. $f(x) < 0, \forall x \in \mathbb{R}$.
C. $f(x)$ không đổi dấu. D. Tồn tại số x_0 để $f(x_0) = 0$.

Câu 4. Cho tam thức bậc hai $f(x) = 2x^2 + 2x + 5$. $f(x) > 0$ khi và chỉ khi

- A. $x \in (0; +\infty)$. B. $x \in (-2; +\infty)$. C. $x \in \mathbb{R}$. D. $x \in (-\infty; 2)$.

Câu 5. Cho tam thức bậc hai $f(x) = -x^2 + 3x - 2$. Tìm tất cả các giá trị của x để $f(x) \leq 0$.

- A. $x \in (-\infty; 1) \cup (2; +\infty)$. B. $x \in [1; 2]$. C. $x \in (-\infty; 1] \cup [2; +\infty)$. D. $x \in (1; 2)$.

Câu 6. Cho tam thức bậc hai $f(x) = x^2 - 4x + 3$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $f(x) < 0, \forall x \in (-\infty; 1] \cup [3; +\infty)$ B. $f(x) \leq 0, \forall x \in [1; 3]$
C. $f(x) \geq 0, \forall x \in (-\infty; 1) \cup (3; +\infty)$ D. $f(x) > 0, \forall x \in [1; 3]$

Câu 7. Tập nghiệm của bất phương trình: $2x^2 - 7x - 15 \geq 0$ là

- A. $\left(-\infty; -\frac{3}{2}\right] \cup [5; +\infty)$. B. $\left[-\frac{3}{2}; 5\right]$. C. $(-\infty; -5] \cup \left[\frac{3}{2}; +\infty\right)$. D. $\left[-5; \frac{3}{2}\right]$.

Câu 8. Tập nghiệm của bất phương trình: $-x^2 + 6x + 7 \geq 0$ là

- A. $(-\infty; -1] \cup [7; +\infty)$. B. $[-1; 7]$. C. $(-\infty; -7] \cup [1; +\infty)$. D. $[-7; 1]$.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tìm các giá trị của tham số m để bất phương trình $-x^2 + (2m - 1)x + m < 0$ có tập nghiệm là

- A. $m = \frac{1}{2}$. B. $m = -\frac{1}{2}$. C. $m \in \mathbb{R}$. D. $m \in \emptyset$.

Câu 2. Tìm tất cả các giá trị của tham số m để bất phương trình $x^2 - (m + 2)x + m + 2 \leq 0$ vô nghiệm.

- A. $m \in (-\infty; -2] \cup [2; +\infty)$. B. $m \in (-\infty; -2) \cup (2; +\infty)$. C. $m \in [-2; 2]$. D. $m \in (-2; 2)$.

(Ở câu 2, tùy theo năng lực của HS mà giáo viên có thể cho thêm bài tập a chứa tham số m).

HD 4: PT quy về phương trình bậc hai (6 phút).

1. Hoạt động hệ thống lại kiến thức (1 phút):

- + **Mục tiêu:** Hs nhớ lại lý thuyết đã học
- + **Nội dung:** Trên phiếu học tập 4
- + **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.
- + **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	<i>Slide cách giải một số phương trình quy về phương trình bậc hai đã học.</i>

2. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

- + **Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng giải một số phương trình quy về phương trình bậc hai.
- + **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập 4.
- + **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.
- + **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và trình bày bài giải trong bảng phụ của nhóm. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý quan sát, lắng nghe và làm việc nhóm theo yêu cầu của GV. + Gv quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ (khi cần). B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, trình bày bài giải, kết quả,... của các nhóm.	

PHIẾU HỌC TẬP 4

Câu hỏi: Nhắc lại cách giải một số phương trình quy về phương trình bậc hai đã học.

TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số nghiệm của phương trình $\sqrt{-x^2 - 5x + 2} = \sqrt{x^2 - 2x - 3}$ là

- A. $-\frac{5}{2}$. B. 0. C. 1. D. 2.

Câu 2: Tập nghiệm của phương trình $\sqrt{2x^2 - 3} = x - 1$ là

- A. $\{-1 - \sqrt{5}; -1 + \sqrt{5}\}$. B. $\{-1 - \sqrt{5}\}$. C. $\{-1 + \sqrt{5}\}$. D. $\emptyset$.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- + Nắm được lý thuyết: Phương trình đường thẳng; Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, góc và khoảng cách; Đường tròn trong mặt phẳng.
- + Làm được các bài toán cụ thể từ lý thuyết đã được học.

2. Năng lực: Năng lực tư duy và lập luận Toán học; Năng lực giải quyết vấn đề Toán học; Năng lực giao tiếp Toán học; Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện để học Toán.

3. Phẩm chất:

- + Chăm chỉ xem bài trước ở nhà.
- + Trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và nêu các câu hỏi về vấn đề chưa hiểu.
- + Tính trung thực.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- KHBD, SGK
- Tivi, máy tính, điện thoại; phần mềm Ivcam; bảng phụ
- Bài tập tương ứng với từng bài học trong chương.

2. Học sinh: SGK, vở ghi, dụng cụ học tập,.....

III. Tiến trình dạy học

HD1: Phương trình đường thẳng

1. Hệ thống lại kiến thức (5 phút):

- + **Mục tiêu:** Hệ thống được lý thuyết đã biết
- + **Nội dung:** Thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu.
- + **Sản phẩm:** Gợi nhớ lại thành quả đã học.
- + **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	• Pt đi qua $M(x_0; y_0)$ và có VTPT $\vec{n} = (a; b)$: $a(x - x_0) + b(y - y_0) = 0$ • Phương trình tham số của Δ đi qua $M_0(x_0; y_0)$ và có VTCP $\vec{u} = (u_1; u_2)$: $\begin{cases} x = x_0 + tu_1 \\ y = y_0 + tu_2 \end{cases}$ • $d(M_0, \Delta) = \frac{ ax_0 + by_0 + c }{\sqrt{a^2 + b^2}}$

2. Luyện tập (5 phút)

- + **Mục tiêu:** Củng cố kỹ năng viết phương trình đường thẳng, tính khoảng cách.
- + **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập.
- + **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.
- + **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và trình bày bài giải trong bảng phụ của nhóm. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý quan sát, lắng nghe và làm việc nhóm theo yêu cầu của GV. + Gv quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ (khi cần).	Câu 1: C Câu 2: D Câu 3: $AB : x + 3y - 8 = 0, C(2t - 8; t).$

B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, trình bày bài giải, kết quả,... của các nhóm.	$S_{ABC} = \frac{1}{2} d(C; AB) \cdot AB$ $17 \quad \frac{1}{2} \cdot \frac{ 5t - 16 }{\sqrt{10}} \cdot \sqrt{10} \quad \begin{matrix} t = 10 \\ t = -\frac{18}{5} \end{matrix}$ Suy ra $C(12;10)$ hoặc $C(-\frac{76}{5}; -\frac{18}{5})$
---	--

PHIẾU HỌC TẬP 1

Phương trình đường thẳng Δ đi qua $M(x_0; y_0)$ và có VTPT $\vec{n} = (a; b)$:	Phương trình tham số của đường thẳng Δ đi qua $M_0(x_0; y_0)$ và có VTCP $\vec{u} = (u_1; u_2)$:
Cho đường thẳng $\Delta: ax + by + c = 0$ và điểm $M_0(x_0; y_0)$. Khoảng cách từ M_0 đến Δ :	

PHIẾU HỌC TẬP 2

Câu 1: Phương trình tham số của đường thẳng d đi qua $A(3; -6)$ và có vectơ chỉ phương $\vec{u} = (4; -2)$ là A. $\begin{cases} x = -6 + 4t \\ y = 3 - 2t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = -2 + 4t \\ y = 1 - 2t \end{cases}$ C. $\begin{cases} x = 3 + 2t \\ y = -6 - t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 1 + 2t \\ y = -2 - t \end{cases}$	Câu 2: Cho ΔABC có $A(2; -1)$, $B(4; 5)$, $C(-3; 2)$. Viết phương trình tổng quát của đường cao CH . A. $x + y - 1 = 0$. B. $2x + 6y - 5 = 0$. C. $3x - y + 11 = 0$. D. $x + 3y - 3 = 0$.
Câu 3: Cho hai điểm $A(2; 2)$, $B(5; 1)$. Tìm điểm C trên đường thẳng $\Delta: x - 2y + 8 = 0$ sao cho diện tích tam giác ABC bằng 17.	

HD 2: Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, góc và khoảng cách (5 phút).

- + **Mục tiêu:** Nhớ kiến thức lý thuyết về vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, góc và khoảng cách bài tập.
- + **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập 3.
- + **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.
- + **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	Câu 1. Đáp án: 32 Câu 2. Đáp án: 3

PHIẾU HỌC TẬP 3.

Câu 1: Phương trình $\sqrt{2x^2 + 4x} = x + 3$ có nghiệm là $a + \sqrt{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}$). Tính $2a + 3b$.

Câu 2. Trong mặt phẳng Oxy , tính khoảng cách giữa hai đường thẳng $d: 3x + 4y - 3 = 0$; $d': 3x + 4y + 12 = 0$.

HD 3: Đường tròn trong mặt phẳng (8 phút).

+ **Mục tiêu:** Nhớ kiến thức lý thuyết về đường tròn trong mặt phẳng vào bài tập.

+ **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập.

+ **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.

+ **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ cho hs thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp và chọn 1 nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, kết quả,... của các nhóm.	Câu 1. Đáp án: C Câu 2. Đáp án: A

PHIẾU HỌC TẬP 4

Câu 1: Phương trình nào sau đây là phương trình đường tròn?

A. $2x^2 + y^2 - 4x + 2y - 1 = 0$.

B. $x^2 - y^2 - 4x + 2y - 1 = 0$.

C. $x^2 + y^2 - 4x + 2y - 1 = 0$.

D. $x^2 + y^2 = 0$.

Câu 2: Đường tròn $(C): x^2 + y^2 + 6x - 4y - 12 = 0$ có tâm I và bán kính R là

A. $I(-3; 2), R = 5$.

B. $I(3; -2), R = 5$.

C. $I(-3; 2), R = 25$.

D. $I(3; 2), R = 5$.

2. Luyện tập (7 phút)

+ **Mục tiêu:** Cùng cố kỹ năng nhận dạng phương trình Parabol và các yếu tố liên quan.

+ **Nội dung:** Câu hỏi ở phiếu học tập.

+ **Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.

+ **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và trình bày bài giải trong bảng phụ của nhóm. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý quan sát, lắng nghe và làm việc nhóm theo yêu cầu của GV. + Gv quan sát, theo dõi các nhóm và hỗ trợ (khi cần). B3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn 1 nhóm báo cáo sản phẩm trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có) B4: Kết luận, nhận định, đánh giá: GV đánh giá về hoạt động, tiến độ hoàn thành, trình bày bài giải, kết quả,... của các nhóm.	Câu 1. Đáp án C Câu 2. Đáp án D Câu 3. Đáp án B Câu 4. Đáp án A Câu 5. Đáp án C

PHIẾU HỌC TẬP 5

Câu 1: Tập xác định của hàm số $y = \frac{x-5}{x-1}$ là

- A. $D = \mathbb{R} \setminus \{5\}$ B. $D = \mathbb{R}$ C. $D = \mathbb{R} \setminus \{1\}$ D. $D = \mathbb{R} \setminus \{1; 5\}$

Câu 2: Cho hàm số bậc hai $y = f(x) = ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$) có đồ thị như hình bên. Khẳng định nào đúng?

- A. $f(1) = 1$. B. $f(-1) = 0$.
C. $f(0) = 0$. D. $f(0) = 3$.

Câu 3: Tọa độ đỉnh của parabol $y = -x^2 - 6x + 7$ là

- A. $I(-3; -16)$. B. $I(-3; 16)$.
C. $I(3; 16)$. D. $I(3; -16)$.

Câu 4: Hàm số nào có đồ thị như hình bên?

- A. $y = x^2 - 4x + 3$. B. $y = -x^2 - 4x + 3$.
C. $y = -x^2 + 4x + 3$. D. $y = x^2 - 4x - 3$.

Câu 5: Cho tam thức bậc hai $f(x) = ax^2 + bx + c$ ($a \neq 0$) có bảng xét dấu như sau:

x	$-\infty$	-10	10	$+\infty$		
$f(x)$		$+$	0	$-$	0	$+$

Tam thức $f(x)$ âm khi và chỉ khi

- A. $x \in (-\infty; -10)$. B. $x \in [-10; 10]$. C. $x \in (-10; 10)$. D. $x \in (10; +\infty)$.

